

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HSST
Ngày: 16/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu – Chức vụ Hiệu trưởng, nơi công tác: Trường Trung học phổ thông Vũ Đình Liệu huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ông Lữ Khắc Hồi – Chức vụ Phó Trưởng phòng, nơi công tác: Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Liệt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2023/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Huỳnh Tấn G (tên gọi khác: T), sinh ngày 12/02/2006, tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Huỳnh Tấn S, sinh năm 1979; Họ tên mẹ: Trần Thị V, sinh năm 1978; Anh chị em ruột 02 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2015; Vợ con: Chưa có; Tiền án: Không có; Tiền sự: 01 tiền sự bị đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 07/QĐ-TA ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Chấp hành xong vào ngày 30/7/2022; Nhân thân: Không tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 03/01/2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Huỳnh Tấn S, sinh năm 1979, là cha bị cáo (có đơn xin xét xử vắng mặt) và bà Trần Thị V, sinh năm 1978 là mẹ bị cáo (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị hại:*

1/ Bà Thạch Thị Q, sinh năm 1967 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

2/ Ông Thạch S1, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã Đ, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

3/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4/ Ông Lê Quan T1, sinh năm 1981 (có mặt).

5/ Bà Thiệu Ngọc Y, sinh năm 1993 (có mặt).

Cùng cư trú: ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

6/ Ông Trương Tấn Đ, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

7/ Ông Võ Văn H1, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

8/ Ông La Tấn Đ1, sinh năm 2003 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Đ, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Mai Văn T2, sinh năm 1957 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm C, phường D, thành phố Đ, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Ông Khuru Thanh T3, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm D, phường E, thành phố Đ, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Ông Trần Quốc H2, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Ông Huỳnh Phát Đ2, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm E, phường F, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

5/ Ông La Quốc C, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: Đ, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

6/ Ông Lâm Quang V1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm F, phường G, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

7/ Ông Nguyễn Công H2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm G, phường H, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

8/ Ông Trần Văn H3, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm H, phường I, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

9/ Ông Trình Quốc T4, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm I, phường G, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ 19/10/2022 đến 29/12/2022, bị cáo Huỳnh Tấn G đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản (trên địa bàn huyện Châu Thành 04 vụ và trên địa bàn thành phố Trà Vinh 01 vụ), cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ ngày 19/10/2022, bị cáo G đang ở nhà và điện thoại cho T5 điều khiển xe mô tô hai bánh đến nhà rước bị cáo đi tìm tài sản lấy trộm vì trước đó bị cáo đã gặp và rủ T5 đi trộm. T5 đã đồng ý. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T5 điều khiển xe mô tô đến nhà chờ bị cáo đi tìm tài sản lấy trộm. T5 chờ bị cáo đến công viên gần chợ xã T rồi bị cáo đi bộ qua khu đất trống trước trường Chính trị tỉnh Trà Vinh thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để tìm tài sản. Một lúc sau, thấy bà Thạch Thị Q, sinh năm 1967, nơi cư trú ấp T, xã T điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 84C1-013.39 đến dừng ở khu đất trống trước trường Chính trị rồi vào chợ mua đồ. Khi bà Q đi vào chợ, bị cáo chạy bộ sang công viên kêu T5 chạy xe qua khu đất trống trước Trường chính trị, bị cáo dẫn xe 84C1-013.39 ra rồi lên xe cầm lái cho T5 điều khiển xe của T5 đẩy đi, được một đoạn thì dừng lại, T5 lấy cây đoản mang theo phá khóa xe và mở cốp xe 84C1-013.39 ra thì phát hiện bên trong cốp xe có 1.000.000 đồng, cùng với giấy đăng ký xe mô tô biển số 84C1-013.39 bị cáo lấy tiền chia cho T5 500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng bị cáo cất giữ. Sau đó, bị cáo khởi động xe 84C1-013.39 điều khiển đến thành phố V tìm người bán nhưng không được. Sau đó, bị cáo đem xe mô tô 84C1-013.39 cầm cho Lâm Quang V1, sinh năm 1984, nơi thường trú khóm F, phường G, thành phố V, tỉnh Trà Vinh với giá 3.000.000 đồng. Khi cầm xe bị cáo nói với V1 xe 84C1-013.39 là xe của mẹ bị cáo, do kẹt tiền nên cầm đỡ. Sau khi xài hết tiền cầm xe thì ngày 20/10/2022, bị cáo quay lại gặp V1 kêu bán chiếc xe 84C1-013.39 với giá 4.000.000, V1 đồng ý mua và chỉ đưa thêm cho bị cáo số tiền 900.000 đồng vì đã trừ số tiền cầm xe 3.000.000 đồng và tiền lãi 100.000 đồng trước đó. Số tiền này, bị cáo G đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản ngày 17/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 xe mô tô hai bánh biển số 84C1-013.39, nhãn hiệu: HONDA, loại WAVE S, màu sơn: đen – xám, số máy: JC43E1654467, số khung: 4316BY104200 có giá trị là 6.666.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào ngày 25/10/2022, sau khi chơi game hết tiền, bị cáo G nảy sinh ý định tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo đi bộ đến khu vực ấp B, phường C, thành phố V để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo gặp người bạn tên Q1, khoảng 25 tuổi (không rõ họ tên và nơi cư trú), bị cáo rủ Q1 đi tìm tài sản lấy trộm thì Q1 đồng ý, bị cáo kêu Q1 điều khiển xe mô tô chờ bị cáo đến sân bóng Nguyễn Dương ở ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để lấy trộm xe mô tô của những người đến đây đá bóng. Khi đến sân bóng, phát hiện xe mô tô biển số 84H9-7745, loại Sirius của ông La Tấn Đ1, sinh ngày 02/02/2003, nơi thường trú: số Đ, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Trà Vinh, dựng trong khuôn viên sân bóng không người trong coi nên bị cáo đến dẫn xe đi ra ngoài rồi lên xe cầm lái cho Q1 điều khiển xe của Q1 đẩy đi đến nhà của Trần Văn H3, sinh năm 1991, nơi thường trú: khóm H, phường I, thành phố V, tỉnh Trà Vinh mượn chìa khoá mở bửng xe để bứt dây điện nguồn điện. Khi đó, bị cáo nói với H3 là xe của người bạn nhờ lấy dùm

mà bỏ quên chìa khóa. Sau khi rút được dây điện nguồn, bị cáo khởi động xe 84H9-7745 điều khiển đến bán cho Lâm Quang V1, sinh năm 1984, nơi thường trú số khóm F, phường G, thành phố V, tỉnh Trà Vinh với giá 2.200.000 đồng. Khi bán xe bị cáo nói xe 84H9-7745 của gia đình bị cáo, do cần tiền gấp nên bán. Sau khi bị cáo đi thì V1 phát hiện xe bị hư ổ khóa và bị rút dây nên V1 đã sửa khóa lại và bán lại cho Huỳnh Phát Đ2, sinh năm 1996, nơi thường trú: khóm E, phường F, thành phố V với giá 3.000.000 đồng. Số tiền bán xe 84H9-7745, bị cáo chia cho Q1 1.000.000 đồng, còn lại 1.200.000 đồng bị cáo G tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản ngày 02/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 xe mô tô hai bánh biển số 84H9-7745, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu sơn: đen – đỏ, số máy: 5C64251632, số khung: C640AY251632 có giá trị là 7.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 28/10/2022, bị cáo G đi bộ theo tuyến đường đaml cấp bờ kinh thuộc ấp B, xã Đ, thành phố V với mục đích tìm tài sản của người khác để sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến nhà của ông Thạch S1, sinh năm 1974, nơi thường trú: ấp B, xã Đ, thành phố V, bị cáo thấy nhà khóa cửa, biết nhà không có người nên bị cáo leo rào vào bên trong sân rồi đi đến cửa sau, loại cửa 2 cánh đã khóa, bị cáo dùng tay đẩy vào trong thì tạo ra khe hở phía trên cửa, bị cáo leo vào nhà qua khe hở trên, vào bên trong nhà rồi đi ra nhà sau thì phát hiện và lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, loại cảm ứng, màu đen để trên tấm nệm. Tiếp đó, bị cáo dỡ tấm nệm lên, phát hiện và lấy số tiền được kẹp trong tờ giấy. Sau đó, bị cáo vào phòng ngủ thấy trên kệ tủ có để 03 sợi dây chuyền làm bằng kim loại màu vàng lấy bỏ vào túi quần. Sau khi lấy được tài sản thì đi lên nhà trước mở cửa chính đi ra khỏi nhà rồi leo rào ra bên ngoài. Bị cáo đi bộ được một đoạn rồi vào bụi cây ven đường kiểm tra tiền vừa trộm được là 6.400.000 đồng. Đối với 03 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng, bị cáo lấy bật lửa đốt thì 03 dây chuyền bị chảy, biết là vàng giả nên đã ném bỏ. Sau đó bị cáo đến tiệm game Kim Giàu thuộc xã Đ, thành phố V chơi. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo đã nhờ T5 (không rõ họ tên và nơi cư trú cụ thể) mang đi điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime trộm được của ông Thạch S đi bán. Khi đó, bị cáo không có nói nguồn gốc điện thoại cho T6 biết. Một lúc sau, T5 quay lại đưa cho bị cáo 550.000 đồng, bị cáo cho T5 60.000 đồng. Việc T5 bán điện thoại ở đâu thì bị cáo không biết. Số tiền do trộm được và tiền bán điện thoại, bị cáo G đã tiêu xài cá nhân và chơi game hết.

Kết luận định giá tài sản ngày 16/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Trà Vinh, kết luận: 03 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng. Ba sợi dây chuyền này không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không có giá trị, nên Hội đồng định giá tài sản thống nhất không định giá 03 sợi dây chuyền này; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, loại màn hình cảm ứng có giá trị là 3.500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 16 giờ ngày 26/12/2022, bị cáo G đi bộ ở khu vực trước chợ xã Hòa Thuận, khi đi ngang vừa ve chai của ông Đoàn Văn H4, sinh năm 1993 nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì phát hiện xe mô tô hai bánh biển số

60B9-517.76 của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, nơi tạm trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, dựng trước vừa ve chai không người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên. bị cáo đi lại nơi để xe thì phát hiện chìa khóa xe để trong hộc để đồ bên phải xe 60B9-517.76 nên bị cáo lấy chìa khoá mở khoá và khởi động xe, điều khiển đến nhà Huỳnh Phát Đ2, sinh năm 1996, nơi thường trú: khóm E, phường F, thành phố V nhờ Đ2 đem cầm dùm. bị cáo nói xe này là xe của dì bị cáo, kẹt tiền cầm vài ngày sẽ chuộc. Đ2 đem xe 60B9-517.76 đến tiệm cầm đồ Thảo Vy 2 do Trình Quốc T4, sinh năm 1983 nơi cư trú: khóm I, phường G, thành phố V làm chủ, cầm với giá 8.000.000 đồng. Đ2 đưa cho bị cáo 5.000.000 đồng, số tiền này bị cáo G tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản ngày 02/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 xe mô tô hai bánh biển số 60B9-517.76, nhãn hiệu Honda, số loại: Vision, màu sơn: đen – đỏ, số máy JF66B0781402, số khung 5814GY496972 có giá trị là 19.666.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 02 giờ ngày 29/12/2022, bị cáo G sau khi đi chơi ở thành phố Trà Vinh về, khi đến gần trụ sở Công an xã T ở ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo nảy sinh ý định vào trụ sở Công an xã T tìm tài sản lấy trộm nên bị cáo đã đi vào bên trong trụ sở Công an xã và phát hiện ông Trương Tấn Đ, sinh ngày 20/8/1990, nơi cư trú khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh đang ngủ, trên giường cạnh ông Đ có để một cái bóp, bị cáo lấy cái bóp của ông Đ đem xuống nhà về sinh kiểm tra thì phát hiện bên trong bóp có số tiền 11.111.000 đồng và chìa khoá xe mô tô, bị cáo lấy tiền và chìa khoá xe rồi đem bóp để lại chỗ cũ. Khi đó, bị cáo phát hiện ông Võ Văn H1 sinh năm 1993, nơi cư trú ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh đang ngủ, ở trên nền gạch cạnh ông H1 có 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI MI 11 LITE 128G, màu đen, có gắn ốp lưng bằng nhựa, bị cáo đến lấy điện thoại bỏ vào túi quần. Sau đó, đi ra nhà xe dùng chìa khoá vừa lấy được trong bóp của ông Đ mở được khoá xe mô tô hai bánh biển số 84D1-077.78 của ông Đ. bị cáo dẫn xe 84D1-077.78 ra Quốc lộ 53, khởi động máy, điều khiển xe chạy về nhà lấy quần áo, nón bảo hiểm rồi điều khiển đến thành phố Hồ Chí Minh rồi về thành phố Đ, tỉnh Đồng Tháp chơi. Tại thành phố Đ, bị cáo bán điện thoại XIAOMI MI 11 LITE 128G cho ông Khuru Thanh T3, sinh năm 1986, nơi cư trú khóm D, phường E, thành phố Đ, tỉnh Đồng Tháp với giá 700.000 đồng. Còn xe mô tô biển số 84D1-077.78, bị cáo nói là xe của bị cáo và nhờ Trần Quốc H2, sinh ngày 02/5/2005 nơi cư trú ấp H, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Đồng Tháp cầm dùm. H2 đem xe 84D1-077.78 đến tiệm cầm đồ “Xuân Thành” tại khóm C, phường D, thành phố Đ do Mai Văn T2, sinh năm 1957, nơi cư trú cùng địa chỉ làm chủ, cầm với giá 4.000.000 đồng. Số tiền này bị cáo G đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản ngày 02/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 xe mô tô hai bánh biển số 84D1-077.78, nhãn hiệu YAMAHA, có giá trị là 12.166.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI MI 11 LITE 128G có giá trị là 2.100.000 đồng; 01 (một) ốp lưng điện thoại bằng nhựa có giá trị 0 đồng.

Ngoài ra, bị cáo Huỳnh Tấn G còn khai nhận đã thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của người khác tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, cụ thể là:

Vào khoảng 14 giờ ngày 22/10/2022, bị cáo G đến nhà ông Dur Quốc H5, sinh năm 1974 nơi cư trú ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh chơi. Lúc này, ông H5 đang nhậu với ông Lê Quan T1, sinh năm 1981, nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh và vợ ông T1 là bà Thiệu Ngọc Ý, sinh năm 1993 cùng với một số người khác; bị cáo phát hiện ông T1 dựng chiếc xe mô tô hai bánh biển số 51K3-7656 ở trước sân nhà ông H5 gần chỗ nhậu nên nảy sinh ý định lấy chiếc xe này nhưng do ông T1 ngồi nhậu gần xe nên bị cáo không thể lấy trộm. Do đó, bị cáo nghĩ ra cách tiếp cận bà Y là vợ của T1 và nói dối là nhà của bị cáo có máy xay sinh tố không xài, cần bán với giá 100.000 đồng và hỏi bà Y có mua không, bà Y tưởng thật nên trả giá mua là 70.000 đồng và nói với bị cáo đem máy lại cho xem nếu được thì sẽ mua. Lúc này, bị cáo hỏi ông T1 mượn xe mô tô biển số 51K3-7656 để chạy về nhà lấy máy xay sinh tố lại bán cho bà Y. Ông T1 cho bị cáo mượn xe. Sau khi lấy được xe 51K3-7656, bị cáo đã điều khiển xe đến nhà của Trần Văn H3, sinh năm 1991, nơi cư trú: khóm H, phường I, thành phố V mượn điện thoại Hoàng, bị cáo đã gọi cho Nguyễn Công H2 (tên thường gọi: H T), sinh năm 1978, thường trú tại khóm G, phường H, thành phố V đến và cầm xe với số tiền 2.000.000 đồng nhưng bị cáo chỉ nhận được 1.800.000 đồng do H2 trừ lãi trước 200.000 đồng. Số tiền này bị cáo G đã tiêu xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 09 ngày 10/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 xe mô tô hai bánh biển số 51K3-7656, nhãn hiệu Honda, màu sơn: bạc – đen, số máy: E-6102715, số khung: Y-102704, có giá trị là 7.000.000 đồng.

Về vật chứng:

- Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã thu và trả lại tài sản sau:

Bà Thạch Thị Q 01 xe mô tô hai bánh và giấy đăng ký xe mô tô, biển số 84C1-013.39

Bà Nguyễn Thị T 01 xe mô tô hai bánh biển số 60B9-517.76, loại xe Vision, màu sơn đen – đỏ.

Trương Tấn Đ 01 xe mô tô hai bánh biển số 84D1-077.78

Võ Văn H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI MI 11 LITE 128G và 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa.

- Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đang tạm giữ 01 xe mô tô hai bánh biển số 51K3-7656 nhãn hiệu Honda, màu sơn bạc – đen.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKS.HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Huỳnh Tấn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo Huỳnh Tấn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91 và Điều 101 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 101 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn Giàu từ 03 năm 09 tháng tù đến 05 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Giao Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý tài sản xe mô tô hai bánh biển số 51K3-7656 nhãn hiệu Honda, màu sơn bạc – đen vì đây là vật chứng trong vụ án khác chưa được điều tra làm rõ. Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã có công văn gửi cho Cơ quan điều tra Công an quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đề phối hợp điều tra nhưng đến nay chưa có văn bản trả lời.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ Luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo. Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

Bồi thường cho bà Thạch Thị Q số tiền 1.000.000 đồng; Bồi thường cho ông La Quốc C số tiền 7.500.000 đồng giá trị xe mô tô hai bánh biển số 84H9-7745; Bồi thường cho ông Lê Quan T1, bà Thiệu Ngọc Y số tiền 7.000.000 đồng giá trị xe mô tô hai bánh biển số 51K3-7656; Bồi thường cho ông Trình Quốc T4 số tiền là 8.000.000 đồng tiền cầm xe mô tô hai bánh biển số 60B9-517.76.

Ông Lâm Quang V1 và ông Huỳnh Phát Đ2 vắng mặt và chưa yêu cầu bồi thường, dành cho ông V1 và ông Đ2 một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Vị Kiểm sát viên đề nghị về án phí. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo bà Trần Thị V xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với gia đình, lo đi làm có tiền bồi thường. Bà V đồng ý cùng bị cáo bồi thường cho bà Thạch Thị Q là 1.000.000 đồng, cho ông La Quốc C là 7.500.000 đồng, cho ông Lê Quan T1, bà Thiệu Ngọc Y là 7.000.000 đồng, cho ông Trình Quốc T4 là 8.000.000 đồng.

* Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, về tội danh thống nhất.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau:

Thứ nhất: Hành vi trộm cắp với số tiền 70.109.000 đồng và lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 7.000.000 đồng là bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người dân được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân dẫn đến việc vi phạm một phần là do việc nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế, bị cáo chỉ học lớp 3/12 nên ảnh hưởng phần nào mặt pháp luật của bị cáo (thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Thứ hai: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên giúp cơ quan tiến hành tố tụng làm sáng tỏ nội dung vụ án, tại phiên tòa bị cáo cũng thể hiện sự ăn năn, hối cải để mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật (thuộc điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Thứ ba: Lúc bị cáo phạm tội chưa đủ 18 tuổi, trong Bộ luật Hình sự có quy định người chưa thành niên dễ bốc đồng, thiếu suy nghĩ, không chính chắn, chưa phát triển đầy đủ về mặt nhận thức.

Thứ tư: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên đã tự thú khai ra những lần phạm tội khác để giúp cơ quan tiến hành tố tụng làm sáng tỏ nội dung vụ án (thuộc điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo đồng ý bồi thường cho bà Thạch Thị Q là 1.000.000 đồng; Bồi thường cho ông La Quốc C là 7.500.000 đồng; Bồi thường cho ông Lê Quan T1, bà Thiệu Ngọc Y là 7.000.000 đồng; Bồi thường cho ông Trình Quốc T4 là 8.000.000 đồng.

* Bị cáo Huỳnh Tấn G thống nhất với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận với Kiểm sát viên, thống nhất với quan điểm của người bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, một số bị hại và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt lần thứ hai không lý do. Tuy nhiên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự,

thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ 19/10/2022 đến 29/12/2022, bị cáo Huỳnh Tấn G không có nghề nghiệp ổn định đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể bị cáo lén lúc lấy trộm của bà Thạch Thị Q 01 xe mô tô biển số 84C1-013.39 trị giá 6.666.000 đồng và số tiền 1.000.000 đồng để trong cốp xe; Bị cáo lén lúc lấy trộm của ông La Tấn Đ1 01 xe mô tô biển số 84H9-7745 trị giá 7.500.000 đồng; Bị cáo lén lúc lấy trộm của ông Thạch S1 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime trị giá 3.500.000 đồng và số tiền 6.400.000 đồng; Bị cáo lén lúc lấy trộm của bà Nguyễn Thị T 01 xe mô tô biển số 60B9-517.76 trị giá 19.666.000 đồng; Bị cáo lén lúc lấy trộm của ông Trương Tấn Đ số tiền 11.111.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 84D1-077.78 trị giá 12.166.000 đồng, của ông Võ Văn H1 01 điện thoại di động hiệu XIAOMI MI 11 LITE trị giá 2.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm là 70.109.000 đồng. Bị cáo còn gian dối mượn xe mục đích để chiếm đoạt của ông Lê Quan T 01 xe mô tô biển số 51K3-7656 trị giá 7.000.000 đồng.

Đối với T5 và Q1 là người cùng với bị cáo G thực hiện vụ trộm cắp, nhưng qua xác minh không xác định được nhân thân, lai lịch của T5 và Q1, khi nào xác định được sẽ xử lý sau nếu có liên quan.

Đối với ông Lâm Quang V1, ông Trình Quốc T4, ông Mai Văn T2, ông Khuru Thanh T3 là người đã mua và nhận cầm cố tài sản do bị cáo G trộm cắp mà có nhưng không biết đây là tài sản phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với ông Nguyễn Công H2 là người đã nhận cầm cố tài sản do bị cáo G trộm cắp mà có, nhưng qua xác minh ông H2 không có mặt tại nơi đăng ký thường trú, không rõ đang ở đâu nên chưa thể làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau nếu có liên quan.

Đối với ông Huỳnh Phát Đ2 là người mua xe và nhận xe đi cầm cố, nhưng ông Đ2 không biết đây là tài sản phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý. Hiện tại, ông Đ2 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không rõ ở đâu nên không thể làm rõ để thu hồi xe mô tô biển số 84H9-7745.

Đối với ông Trần Quốc H2 là người được bị cáo G nhờ đi cầm cố xe nhưng ông H2 không biết rõ đây là tài sản phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý.

Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo Huỳnh Tấn G phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét thấy tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Nhưng do bản tính lười lao động, bị cáo không chủ động tìm kiếm công việc hợp pháp, để chăm lo cho gia đình, làm công dân tốt cho xã hội, ngược lại bị cáo lao vào con đường phạm tội chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật được pháp luật hình sự bảo vệ với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất an, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Trước đây bị cáo có 01 tiền sự bị cáo bị đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản. Rõ ràng hình phạt trước đây bị cáo chấp hành không đủ để cải tạo, giáo dục, bị cáo thuộc thành phần khó cải tạo, giáo dục. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, cho bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo G thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú các lần trộm cắp tài sản trước; Các bị hại bà Q, ông T1 và bà Y xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo G là người chưa thành niên, nên khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự quy định về đường lối xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội, xử phạt bị cáo ở mức nhẹ hơn so với mức áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng: Đối với tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội 05 lần và đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị T, ông Trương Tấn Đ, ông Võ Văn H1, ông Thạch S1, ông Mai Văn T2, ông Khưu Thanh T3 không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Lâm Quang V1, ông Huỳnh Phát Đ2 vắng mặt và chưa yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử dành cho ông V1 và ông Đ2 một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Tấn G và mẹ bị cáo là bà Trần Thị V đồng ý bồi thường cho bà Thạch Thị Q số tiền 1.000.000 đồng, bồi thường cho ông La Quốc C số tiền 7.500.000 đồng, bồi thường cho ông Lê Quan T1, và bà Thiệu Ngọc Y số tiền 7.000.000 đồng, bồi thường cho ông Trình Quốc T4 số tiền 8.000.000 đồng. Xét thấy

đây là sự tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trên.

[6] Về vật chứng: Giao Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý tài sản xe mô tô hai bánh biển số 51K3-7656 nhãn hiệu Honda, màu sơn bạc – đen, vì đây là vật chứng trong vụ án khác chưa được điều tra làm rõ.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Huỳnh Tấn G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và cha mẹ bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của Kiểm sát Viên và Người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Bị cáo Huỳnh Tấn G phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Tấn G 03 (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Tấn G 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo Huỳnh Tấn G phải chấp hành là 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành phạt tù tính kể từ ngày 03/01/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Huỳnh Tấn G, mẹ bị cáo là bà Trần Thị V và cha bị cáo là ông Huỳnh Tấn S có trách nhiệm bồi thường cho bà Thạch Thị Q số tiền 1.000.000 đồng, bồi thường cho ông La Quốc C số tiền 7.500.000 đồng, bồi thường cho ông Lê Quan T1, và bà Thiệu Ngọc Y số tiền 7.000.000 đồng, bồi thường cho ông Trình Quốc T4 số tiền 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Giao Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tiếp tục

quản lý tài sản xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 51K3-7656 nhãn hiệu Honda, màu sơn bạc – đen

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Buộc bị cáo Huỳnh Tấn G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Huỳnh Tấn G, bà Trần Thị V và ông Huỳnh Tấn S mỗi người phải chịu 392.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

*** Nơi nhận:**

- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- TAND tỉnh Trà Vinh
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Cơ quan THAHS huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Trần Bảo Trân